**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **XÃ CÁC SƠN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 12/KH-UBND

*Các Sơn, ngày 20 tháng 11 năm 2017*

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT NĂM 2018**

 \***CƠ CẤU GIỐNG CÂY TRỒNG MÙA VỤ**

 **1. Vụ xuân**

 **\*Cây lúa**: Tổng diện tích 439,5 ha. Trong đó:

 Xuân chính vụ: 25ha = 5,7%. Chủ yếu ở các vùng ngoại đê, vùng trũng thường ngập nước; gieo mạ từ 10 – 20/12/2017. Sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng từ 160 – 170 ngày.

 Trà xuân muộn: 414,5ha = 94,3%. Chủ yếu trên chân đất vàn chủ động tưới tiêu, giống chủ lực là các loại lúa lai chất lượng, năng suất cao (Thái Xuyên 111, Nghi Hương 2308, N.ưu 69, C.ưu đa hệ số 1, TH 3-5) và các loại lúa thuần năng suất, chất lượng cao (Hồng Đức 9, Thiên Ưu 8, Bắc thơm 7, Bắc Thịnh). Trên các chân đất vàn cao không chủ động tưới tiêu, cơ cấu các giống lúa thuần KD18, Khang dân đột biến. Không gieo trồng giống BC15 do mẫn cảm với thời tiết và bệnh đạo ôn. Không khuyến khích gieo sạ thẳng ở vụ chiêm xuân. Gieo mạ từ 10/01 – 15/01/2018.

 **\*Cây lạc:** Tổng diện tích là 90,2 ha. Tập trung cơ cấu các vùng đất chuyên màu, đất 1 lúa 1 màu, giống chủ lực L14, L23, L26, thời vụ gieo sau tiết lập xuân, từ 05/2- 15/2/2018. Trên các chân đất bãi, đất cồn cao, cơ cấu giống L12, thời vụ gieo từ 20-30/01/2018.

 **\*Cây ngô:** Diện tích 20,5 ha. Trồng trên vùng đất màu ngô xen lạc, giống chủ lực CP999, B06, MB69, NK66, các giống ngô nếp. Thời vụ gieo trồng từ 20/1 – 20/2/2018.

 **\*Cây khoai lang:** Diện tích 7,5 ha. Trồng trên chân đất màu, cơ cấu các giống Chiêm dâu, KL20-209, KB1,VC 68-2, Hoàng Long. Trồng từ 01/1 – 10/2/2018.

 **\*Rau các loại**: Sử dụng các giống cà chua, bắp cải chịu nhiệt, các giống bầu, bí, mướp ta, mướp đắng, các giống cải ngọt.

 **2. Vụ hè thu**: Tổng diện tích 124ha. Trong đó:

 **\* Cây vừng**: 55 ha trên chân đất thu hoạch lạc xuân, cơ cấu các giống V6, V36, vừng đen địa phương, thời vụ gieo trồng từ 20-30/5, thu hoạch trước 20/8 để có quỹ đất trồng lạc đông.

 **\*Đậu xanh**: 45ha, trồng trên đất chuyên màu thâm canh, giống chủ lực ĐX208. Thời vụ gieo trồng từ 25/5 - 5/6, thu hoạch trước 30/8 để có quỹ đất trồng lạc đông.

 **\*Cây lạc**: 5ha, tập trung gieo trồng trong đất vườn, cơ cấu các giống L12, L14. Thời vụ ra giống từ 25/5 – 15/6.

 **\*Cây ngô**: 10ha, giống chủ lực CP999, B06, NK66. Thời vụ gieo từ 5/6 – 15/7.

 **\* Rau màu các loại**: 9ha.

 **3. Vụ mùa:** Tổng diện tích lúa 425,1ha. Trong đó:

 Mùa sớm: 382,6ha = 90%

 Mùa chính vụ: 42,5ha = 10%.

 Đối với các xứ đồng thường bị mưa lụt ở Hoành Sơn, Phú Sơn nên gieo cấy các loại giống lúa lai ngắn ngày để tránh lụt như TH 3-3, TH 3-5. Đối với các diện tích chủ động tưới tiêu, giống chủ lực lúa lai: Thái Xuyên 111, Phúc Thái 168, D.ưu 527, ZZD001. Các giống thuần chủ lực BC15, TBR225, Thiên Ưu 8. Thời vụ ra giống từ 20/5- 25/5. Trên các chân đất 1 lúa 1 màu, không chủ động nguồn nước tưới, nên dùng giống có khả năng chịu hạn KD18, Khang Dân đột biến. Sau khi thu hoạch các loại cây màu, có độ ẩm tập trung là gieo thẳng từ 05/6 – 10/6.

 **4. Vụ đông:** Tổng diện tích 122ha. Trong đó:

 **\*Cây ngô**: Diện tích 65ha, trong đó trên đất 2 lúa 10ha và đất màu 55ha. Giống chủ lực CP999, B06, các giống ngô nếp. Thời gian từ 10 - 25/9.

 **\*Cây lạc:** 15ha trên chân đất màu trồng vừng, trồng đậu. Cơ cấu các giống L12, L14, L23. Thời vụ gieo từ 15/8 – 15/9.

 **\*Khoai lang:** Diện tích 20ha, trên chân đất chuyên màu, 1 lúa 1 màu. Giống chủ lực KB1, K4.

 ***Nơi nhận***  **TM. UBND XÃ**

- TTĐU (b/c)  **Chủ tịch**

- HĐND (b/c)

- Trưởng các thôn, xóm (t/h)

- Các ban ngành có liên quan (t/h)

- Lưu VT **Phạm Hữu Năm**

**GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ CHIÊM XUÂN NĂM 2018**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thôn** | **CÂY LÚA** | **CÂY MÀU** |
| **Tổng DT (ha)** | **Lúa lai (ha)** | **Lúa thuần (ha)** | **Tổng DT (ha)** | **DT lạc (ha)** | **Khoai lang (ha)** | **DT ngô (ha)** | **DT rau (ha)** |
| **1** | **Lạn** | 41,3 | 26,3 | 15,0 | 8,1 | 4,4 | 0,2 | 2,0 | 1,5 |
| **2** | **Phú Sơn** | 54,9 | 29,9 | 25,0 | 12,9 | 6,8 | 0,3 | 3,6 | 2,2 |
| **3** | **Kiêm Sơn** | 49,4 | 27,2 | 22,2 | 15,6 | 10,2 | 1,5 | 2,1 | 1,8 |
| **4** | **Lam Sơn** | 23,1 | 18,1 | 5,0 | 8,3 | 6,2 | 0,5 | 0,6 | 1,0 |
| **5** | **Quế Sơn** | 31,2 | 14,7 | 16,5 | 9,1 | 6,5 | 0,3 | 1,0 | 1,3 |
| **6** | **Hải Sơn** | 43,0 | 24,5 | 18,5 | 11,4 | 7,5 | 0,7 | 1,4 | 1,8 |
| **7** | **Các** | 40,1 | 21,9 | 18,2 | 12,4 | 8,5 | 0,5 | 1,7 | 1,7 |
| **8** | **Châu Thành** | 43,2 | 28,0 | 15,2 | 19,8 | 14,5 | 1,4 | 1,3 | 2,6 |
| **9** | **Minh Thịnh** | 31,3 | 19,3 | 12,0 | 14,2 | 11,0 | 1,1 | 1,1 | 1,0 |
| **10** | **Hoành Sơn** | 59,3 | 41,0 | 18,3 | 17,5 | 12,5 | 0,8 | 2,0 | 2,2 |
| **11** | **Phú Thiện** | 8,3 | 4,1 | 4,2 | 6,9 | 2,1 | 0,2 | 3,7 | 0,9 |
| **12** | **Ngoại đê** | 14,4 |  | 14,4 |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | **439,5** | **255** | **184,5** | **136,2** | **90,2** | **7,5** | **20,5** | **18** |